

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11-9-2024

V/v Khởi kiện xin ly hôn và tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đình Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhật Chiến;

Bà Phạm Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phùng Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Số A, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1964; địa chỉ: Số A, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đơn khởi kiện khởi kiện và các lời khai nguyên đơn bà Phùng Thị N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân, bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau từ năm 2007. Trước khi tổ chức kết hôn bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P được tìm hiểu nhau,

không bị ai ép buộc. Đến năm 2009, bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ khi về chung sống với ông Hoàng Văn P, cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc. Ông Hoàng Văn P không có nghề nghiệp, không có thu nhập và thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập, xúc phạm nhân phẩm bà Phùng Thị N. Việc đó xảy ra liên tục từ năm 2007 cho đến nay, tuy nhiên thời điểm đó các con còn nhỏ nên bà Phùng Thị N cố chịu đựng để nuôi dạy các con, cho các con có một gia đình đầy đủ bố mẹ. Nay các con đã lớn, nhận thấy không còn tình cảm với ông Hoàng Văn P nữa, nay bà Phùng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Phùng Thị N được ly hôn với ông Hoàng Văn P.

Về con chung: Vợ chồng bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P có 02 con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 08/11/2007 và Hoàng Đức N1, sinh ngày 13/10/2009, khi sinh ra đã bị ảnh hưởng đến thần kinh nên nhận thức bị hạn chế không thể đi học được. Khi ly hôn bà Phùng Thị N đề nghị, bà Phùng Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con đến khi đủ tuổi thành niên và không yêu cầu ông Hoàng Văn P phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn ông Hoàng Văn P không có ý kiến trình bày, do ông Hoàng Văn P không hợp tác, chỉ nhận văn bản tố tụng mà không nhất trí trình bày lời khai.*

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 6 năm 2024 cháu Hoàng Văn H là con của bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P trình bày: Nếu bố, mẹ cháu Hoàng Văn H là bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P ly hôn, thì cháu Hoàng Văn H có nguyện vọng được sinh sống cùng bố đẻ là Hoàng Văn P.*

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 8 năm 2024 người làm chứng bà Trình Kỹ L trình bày: Bà Trình Kỹ L là hàng xóm của ông Hoàng Văn P và bà Phùng Thị N xác nhận, trong thời gian gần đây vợ, chồng ông Hoàng Văn P và bà Phùng Thị N thường xảy ra mâu thuẫn, do ông Hoàng Văn P thường say rượu về nhà chửi, mắng bà Phùng Thị N và vứt đồ đạc, quần áo của bà Phùng Thị N ra ngoài nhà, trong khoảng năm 2022 bà Phùng Thị N đã ra ngoài thuê nhà ở cho đến nay, thỉnh thoảng bà Phùng Thị N có về nhà thăm các con.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Hoàng Văn P. Về con chung: Bà Phùng Thị N yêu cầu, khi ly hôn bà Phùng Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Đức N1, sinh ngày 13/10/2009 và yêu cầu ông Hoàng Văn P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 08/11/2007 cho đến khi đủ tuổi thành niên và cả hai không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có.

Đại diện viện kiểm sát viên phát biểu và kết luận về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật và nguyên đơn đã chấp hành theo đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau từ năm 2007. Đến năm 2009, bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, việc kết hôn của bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Do đó, khi ly hôn cần căn cứ luật hôn nhân và gia đình để giải quyết. Về mâu thuẫn vợ chồng: Từ khi bà Hoàng Thị N2 về chung sống với ông Hoàng Văn P, cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, do ông Hoàng Văn P không có nghề nghiệp, không có thu nhập và thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập, xúc phạm nhân phẩm bà Phùng Thị N. Nay bà Phùng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Phùng Thị N được ly hôn với ông Hoàng Văn P. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P không có sự hòa hợp, thường đánh chửi nhau và không quan tâm chăm sóc nhau, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị N, cho bà Phùng Thị N ly hôn với ông Hoàng Văn P là có căn cứ, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P có 02 con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 08/11/2007 và Hoàng Đức N1, sinh ngày 13/10/2009. Tại phiên tòa bà Phùng Thị N yêu cầu, khi ly hôn bà Phùng Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Đức N1, sinh ngày 13/10/2009 và yêu cầu ông Hoàng Văn P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Hoàng Văn H, sinh ngày 08/11/2007 cho đến khi đủ tuổi thành niên. Yêu cầu này cũng phù hợp với ý kiến của cháu Hoàng Văn H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị N, là bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, do mỗi người đều có nghĩa vụ trực tiếp nuôi 01 người con.

Về tài sản chung: Đề nghị không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí, buộc bà Phùng Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật nguyên đơn bà Phùng Thị N khởi kiện xin ly hôn với ông Hoàng Văn P và yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ

nuôi con chung là thuộc trường hợp tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hoàng Văn P cư trú tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn giải quyết, theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Hoàng Văn P, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội vụ án: Bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P tổ chức kết hôn theo phong tục cổ truyền địa phương và về chung sống với nhau năm 2007. Đến năm 2009 bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, quan hệ hôn nhân bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P là hôn nhân hợp pháp và khi có yêu cầu về ly hôn thì căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Về mâu thuẫn vợ chồng: Từ khi kết hôn cuộc sống gia đình bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P ban đầu hạnh phúc, đến thời gian sau này do ông Hoàng Văn P không có nghề nghiệp, không có thu nhập và thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập, xúc phạm nhân phẩm bà Phùng Thị N, có lần vứt quần áo và đuổi bà Phùng Thị N ra khỏi nhà, hiện nay bà Phùng Thị N phải đi thuê nhà ở chỗ khác và thỉnh thoảng về chăm sóc các con. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P không hạnh phúc và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phùng Thị N xin ly hôn với ông Hoàng Văn P là có căn cứ, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P có 02 con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 08/11/2007 và Hoàng Đức N1, sinh ngày 13/10/2009 hiện bị ảnh hưởng thần kinh. Tại phiên tòa bà Phùng Thị N yêu cầu, khi ly hôn bà Phùng Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Đức N1, sinh ngày 13/10/2009, do cháu Hoàng Đức N1 bị bệnh tâm thần và cần có người mẹ chăm sóc và yêu cầu ông Hoàng Văn P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Hoàng Văn H, sinh ngày 08/11/2007 cho đến khi đủ tuổi thành niên theo nguyện vọng của cháu Hoàng Văn H. Nhận thấy, yêu cầu của bà Phùng Thị N là phù hợp với ý kiến của cháu Hoàng Văn H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà Phùng Thị N không yêu cầu ông Hoàng Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung và bà Phùng Thị N yêu cầu không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông Hoàng Văn P, do cả hai người đều phải nuôi một người con chung. Nhận thấy, bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P mỗi người đều được trực tiếp nuôi 01 người con. Do đó, không buộc bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau theo yêu cầu của bà Phùng Thị N là có căn cứ.

[6] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết, do đương sự không yêu cầu.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Ý kiến quan điểm về giải quyết nội dung vụ án của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự bà Phùng Thị N là người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ hôn nhân và gia đình.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị N như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phùng Thị N ly hôn với ông Hoàng Văn P.

- Về con chung:

Giao cháu Hoàng Văn H, sinh ngày 08/11/2007 cho ông Hoàng Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi).

Giao cháu Hoàng Đức N1, sinh ngày 13/10/2009 cho bà Phùng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Bà Phùng Thị N và ông Hoàng Văn P có quyền đi lại thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết, do đương sự không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Phùng Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Phùng Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000188 ngày 01 tháng 4 năm 2024. Xác nhận bà Phùng Thị N đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Hoàng Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Ủy ban nhân dân xã (phường nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lương Đình Phương